TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2019
V/v: Ly hôn giữa ông Ch và bà Ch

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Bồng.

2. Ông Cầm Văn Nam.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Thanh Ch, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Số 285/12 đường Phan Đình Ph, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Ch, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Số 285/12 đường Phan Đình Ph, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa ông Ch có mặt, bà Ch vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2019, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Thanh Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Ch có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/1980 tại UBND xã Xuân C, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân giữa ông và bà Ch là do cha mẹ ông sắp đặt, ông phải làm tròn chữ hiếu với cha mẹ chứ ông không có tình yêu với bà Ch. Từ khi kết hôn về chung sống với nhau thì giữa ông và bà Ch không có tình cảm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà Ch thường xuyên có lời nói xúc phạm danh dự của ông, thái độ coi thường và thách thức ông, làm cho cuộc sống chung căng thẳng, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau. Ông đã cố gắng nhẫn nhịn để nuôi 02 con chung trưởng thành. Khi các con đã lớn thì tình cảm giữa ông và bà Ch vẫn không cải thiện được, tình trạng cãi vã, xúc phạm, hành hạ tinh thần của nhau vẫn diễn ra trong nhiều năm. Từ tháng 10/2018 cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù sống chung nhà nhưng ông và bà Ch không ai còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay ông thấy không thể tiếp tục chung sống với bà Ch nữa, hôn nhân không có hạnh phúc, ông đề nghị Tòa án cho ly hôn với bà Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Ngô Thanh T, sinh ngày 15/6/1984 và Ngô Thanh Tu, sinh ngày 04/02/1982. Hiện nay 02 con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Ông và bà Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông khai không có.

Các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Thanh Ch có đăng ký kết hôn đúng như ông Ch trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Ch có tính gia trưởng, độc đoán, việc gì cũng phải làm theo ý ông nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm, không tôn trọng nhau. Từ khi bà mang thai con đầu lòng do không chịu nổi tính gia trưởng của ông Ch nên bà đã phải về nhà mẹ ruột sinh con. Sau khi sinh con xong bà có quay về chung sống nhưng ông Ch vẫn không thay đổi tính nết, vợ chồng xích mích, cãi vã hàng ngày nhưng bà vẫn cố gắng nhẫn nhịn sống vì các con. Nhưng đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, đỉnh điểm từ tháng 10/2018 cho đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng giữa ông bà không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau, mạnh ai nấy sống. Nay bà cũng không còn tình cảm với ông Ch, hôn nhân không hạnh phúc nhưng do ông Ch làm đơn và cương quyết ly hôn với bà nên bà cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật chứ bà không đồng ý ký vào biên bản thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như ông Ch trình bày. Hiện nay 02 con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà khai không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy yêu cầu ly hôn của ông Ngô Thanh Ch đối với bà Phạm Thị Ch là có căn cứ chấp nhận; Về con chung: Hai con chung đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét; Về tài sản chung: Ông Ch và bà Ch không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Các đương sự khai không có; Về án phí: Ông Ch phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Ch đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Ngô Thanh Ch và bà Phạm Thị Ch được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông Ch và bà Ch có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về cách sống, cách suy nghĩ nên giữa ông Ch và bà Ch thường xuyên xích mích, cãi vã, cư xử thiếu tôn trọng nhau. Tuy sống chung một nhà nhưng ông Ch và bà Ch mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Tại phiên tòa ông Ch vẫn kiên quyết xin được ly hôn với bà Ch vì không thể tiếp tục chung sống được nữa. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, hàng xóm cho thấy vợ chồng ông Ch bà Ch thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, tuy sống chung một nhà nhưng ông bà mạnh ai nấy sống. Phía bà Ch cũng thừa nhận bà cũng không còn tình cảm gì với ông Ch. Như vậy, tình trạng hôn nhân của ông Ch và bà Ch đã trầm trọng, cuộc

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ch là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Qua xem xét thấy 02 người con chung của ông Ch và bà Ch đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Ông Ch và bà Ch không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ông Ch và bà Ch đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Ông Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Ngô Thanh Ch và bà Phạm Thị Ch.

2. Về con chung: Hai con chung của ông Ch và bà Ch đã trên 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Ông Ch và bà Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Ch và bà Ch đều khai không có.

5. Về án phí: Ông Ngô Thanh Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005448 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông Ch đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND thành phố B;
+ T.H.A thành phố B;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ UBND xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
+ Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền